

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Stt | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------|---|--|-----------|
| 1 | Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công | | |
| 1.1 | Phạm vi công việc của gói thầu, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vị trí công trình. | Nhà thầu trình bày mức độ am hiểu phạm vi công việc của gói thầu, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vị trí công trình phù hợp với hồ sơ thiết kế được duyệt được mô tả tại Mục I – Chương V. | Đạt |
| | | Trình bày không đúng hoặc không phù hợp như yêu cầu trên hoặc không am hiểu công trình. | Không đạt |
| 1.2 | Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, thông tin liên lạc, bố trí phòng thí nghiệm hiện trường. | Đáp ứng đầy đủ, hợp lý, chi tiết và phù hợp với tiến độ, hiện trạng thi công công trình. | Đạt |
| | | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 1.3 | Thi công xây dựng công trình gồm các hạng mục công tác như: - Công tác chuẩn bị khởi công; - Giải pháp trắc đạc, định vị kiểm tra mốc thiết kế bàn giao. - Biện pháp tổ chức bảo vệ mặt bằng công trường được chủ đầu tư bàn giao. | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |

| | | | |
|-----|---|--|-----------|
| 1.4 | <p>Sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận quản lý: có đủ người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm quản lý tiến độ, quản lý kỹ thuật, quản lý hành chính kế toán, quản lý chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn, phòng cháy chữa cháy, an ninh, môi trường (Ghi rõ cá nhân quản lý hoặc bộ phận phụ trách trong thuyết minh sơ đồ). - Bộ phận thi công: có phân chia các tổ, đội thi công các công tác chính như: đào san đất, cung cấp vận chuyển đất, san đầm đất. | Có sơ đồ hợp lý, ghi rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt | Đạt |
| | | Không có sơ đồ hợp lý, không ghi rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt | Không đạt |
| 1.5 | <p>Có thuyết minh biện pháp thi công và bản vẽ biện pháp thi công: Đào san đất, vận chuyển đất, san đầm đất, tận dụng đất đào, vận chuyển đất thừa đến nơi tập kết.</p> | Có thuyết minh và bản vẽ biện pháp tổ chức thi công đầy đủ, chi tiết và hợp lý các công tác thi công, đáp ứng yêu cầu của hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, phù hợp với điều kiện thi công và hiện trạng công trình. Trong đó, phải có nội dung bố trí số lượng nhân công, thiết bị chính thi công phù hợp với tiến độ thi công, khối lượng công việc và đề xuất kỹ thuật. | Đạt |
| | | Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu trên hoặc có đề xuất thuyết minh và bản vẽ biện pháp tổ chức thi công nhưng không chi tiết, không hợp lý, không đầy đủ các công tác thi công, không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, không phù hợp với điều kiện thi công và hiện trạng công trình. | Không đạt |
| 1.6 | Biện pháp bảo đảm giao | Có đề xuất phương án đảm bảo giao | Đạt |

| | | | |
|----------|--|---|-----------|
| | thông: Có đề xuất phương án đảm bảo giao thông trong quá trình thi công và vận chuyển: Đảm bảo giao thông ban đêm, đảm bảo giao thông trong quá trình vận chuyển vật tư, máy móc thiết bị khi công ra vào công trường. | thông hợp lý, có bản vẽ bố trí biển báo, báo hiệu chỉ dẫn phương tiện ra vào công trường. | |
| | | Không có hoặc có đề xuất nhưng không đáp ứng phương án đảm bảo giao thông hợp lý, không có bản vẽ bố trí biển báo, báo hiệu chỉ dẫn phương tiện ra vào công trường. | Không đạt |
| 2 | Tiến độ thi công và các biểu đồ huy động | | |
| 2.1 | Thời gian thi công không quá 90 ngày | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 90 ngày | Đạt |
| | | Đề xuất thời gian thi công vượt quá 90 ngày | Không đạt |
| 2.2 | Thuyết minh sự phù hợp phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị chủ thi công yếu và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân sự chủ chốt và tiến độ thi công. | Có thuyết minh đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b) | Đạt |
| | | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b) hoặc có đề xuất nhưng không phù hợp, không khả thi, không phù hợp với bảng tiến độ thi công. | Không đạt |
| 2.3 | Có bảng tiến độ thi công chi tiết đầy đủ các hạng mục chính theo Bảng kê hạng mục công việc/Bảng khối lượng công việc mời thầu hợp lý, khả thi và phù hợp với hồ sơ thiết kế được duyệt. | Có bảng tiến độ thi công hợp lý, khả thi, đầy đủ các hạng mục chính và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | | Không có hoặc có bảng tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không đầy đủ các hạng mục chính và không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Không đạt |
| 2.4 | Công tác sử dụng thiết bị thi công hiệu quả; huy động, bố trí nhân sự; tổ chức và sử dụng hợp lý nguồn công nhân kỹ thuật và biểu đồ huy động. | - Có đề xuất giải pháp bảo đảm sử dụng thiết bị thi công hiệu quả; huy động, bố trí hợp lý nhân sự chủ chốt, sử dụng hợp lý nguồn công nhân kỹ thuật bảo đảm phục vụ thi công liên tục, không bị gián đoạn, phù hợp với tiến độ thi công đề xuất. | Đạt |

| | | | |
|----------|--|--|-----------|
| | | <p>- Có biểu đồ bố trí thời gian huy động Thiết bị thi công chủ yếu hợp lý, phù hợp (số lượng yêu cầu tối thiểu tại Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu) với tiến độ và kế hoạch triển khai thực hiện thi công gói thầu.</p> <p>- Có biểu đồ bố trí thời gian huy động Nhân sự chủ chốt hợp lý, phù hợp (số lượng yêu cầu tối thiểu tại Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt) với tiến độ và kế hoạch triển khai thực hiện thi công gói thầu.</p> <p>- Có Biểu đồ huy động công nhân kỹ thuật dự kiến sử dụng cho công trình tất cả phải phù hợp với tiến độ thi công.</p> | |
| | | Không đề xuất hoặc có nhưng không đầy đủ, chi tiết và hợp lý giữa biểu đồ huy động và số lượng/khối lượng theo yêu cầu. | Không đạt |
| 2.5 | Có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công đã đề xuất; đảm bảo tiến độ thi công trong mùa mưa, bão; giải pháp đẩy nhanh tiến độ khi có yêu cầu từ chủ đầu tư. | Có trình đầy đủ, chi tiết, đảm bảo hợp lý, khả thi phù hợp với quy định hiện hành và hiện trạng, đặc điểm công trình. | Đạt |
| | | Không trình hoặc trình bày không đầy đủ, chi tiết, đảm bảo hợp lý, khả thi phù hợp với quy định hiện hành và hiện trạng, đặc điểm công trình. | Không đạt |
| 3 | Biện pháp bảo đảm chất lượng | | |
| 3.1 | a) Lập quy trình quản lý chất lượng (Thi công, kiểm tra, nghiệm thu) cho từng giai đoạn thi công xây dựng. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi, phù hợp với Tiêu chuẩn, Quy chuẩn và theo hồ sơ thiết kế được duyệt. | Đạt |
| | b) Có biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi chính công nêu tại [Mục 1.5]. | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi và không phù hợp với Tiêu chuẩn, Quy chuẩn theo hồ sơ thiết kế được duyệt hoặc nhà thầu áp dụng Tiêu | Không đạt |
| | c) Biện pháp bảo đảm chất | | |

| | | | |
|----------|---|---|-----------|
| | lượng khi thi công ban đêm, thi công trong mùa mưa bão, mất điện và biện pháp phối hợp trong quá trình thực hiện với các gói thầu khác của dự án. | chuẩn, Quy chuẩn hết hiệu lực thi hành. | |
| 4 | Thuyết minh biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCC trong quá trình thi công | | |
| 4.1 | a) Có biện pháp tác tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động trong quá trình thi công. | Có thuyết minh chi tiết, đầy đủ các nội dung yêu cầu hợp lý với hồ sơ thiết kế được duyệt và biện pháp thi công, hiện trạng công trình. | Đạt |
| | b) Có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình đào và vận chuyển đất đào đến nơi tập kết, biện pháp phòng chống rò rỉ nước bẩn trong quá trình san lấp. c) Có biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình hiện hữu và cư dân xung quanh công trường. | Không có hoặc có thuyết minh nhưng không chi tiết, đầy đủ các nội dung yêu cầu không hợp lý với hồ sơ thiết kế được duyệt và không phù hợp biện pháp thi công, hiện trạng công trình. | Không đạt |
| 4.2 | Biện pháp nhận biết, đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, có hại tại công trường; biện pháp xử lý khi xảy ra tai nạn lao động. | Trình bày đầy đủ chi tiết đảm bảo hợp lý khả thi phù hợp với quy định và điều kiện thực tế thi công | Đạt |
| | | Không trình bày hoặc có trình bày nhưng không đầy đủ chi tiết đảm bảo hợp lý khả thi phù hợp với quy định và điều kiện thực tế thi công | Không đạt |
| 4.3 | Biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường trong thời gian thi công xây dựng: Thuyết minh biện pháp giảm thiểu; kiểm soát, xử lý tiếng ồn, bụi và khói, độ rung, nước thải và rác thải | Trình bày đầy đủ chi tiết theo yêu cầu đảm bảo hợp lý khả thi phù hợp với quy định và điều kiện thực tế thi công | Đạt |
| | | Không trình bày hoặc có trình bày nhưng không đầy đủ chi tiết theo yêu cầu không đảm bảo hợp lý khả thi phù | Không đạt |

| | | | |
|----------|--|--|-----------|
| | sinh hoạt, nước thải và rác thải xây dựng, chất thải rắn và chất thải nguy hại, ... | hợp với quy định và điều kiện thực tế thi công. | |
| 4.4 | <p>a) Hiểu biết quy định pháp luật hiện hành, tiêu chuẩn kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy; Có cam kết việc xử lý vi phạm và bồi thường trường hợp do lỗi của nhà thầu thi công xây dựng để xảy ra cháy, nổ.</p> <p>b) Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ cụ thể, nêu rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của cá nhân, tập thể; thuyết minh các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ.</p> | Trình bày đầy đủ chi tiết theo yêu cầu đảm bảo hợp lý khả thi phù hợp với quy định và điều kiện thực tế thi công | Đạt |
| | | Không trình bày hoặc có trình bày nhưng không đầy đủ chi tiết theo yêu cầu không đảm bảo hợp lý khả thi phù hợp với quy định và điều kiện thực tế thi công. | Không đạt |
| 5 | Bảo hành và uy tín của nhà thầu | | |
| 5.1 | Bảo hành: Thời gian bảo hành ≥ 24 tháng | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 24 tháng. | Đạt |
| | | Không có đề xuất thời gian bảo hành hoặc đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 24 tháng. | Không đạt |
| 5.2 | Uy tín của nhà thầu: Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | <p>Nhà thầu có các cam kết:</p> <p>Đảm bảo uy tín của nhà thầu thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP: không có hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu này.</p> <p>* Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn</p> | Đạt |

| | | | |
|----------|--|---|----------------|
| | | nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. | |
| | | Nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh. | Chấp nhận được |
| | | Không đạt các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 6 | Các yếu tố cần thiết khác: Cam kết của nhà thầu | | |
| 6.2 | Các cam kết của nhà thầu | <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết bồi thường các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh nếu bị hư hỏng trong quá trình thi công và phục hồi đất đai, môi trường sau khi xây dựng xong công trình; - Cam kết bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư nếu chậm trễ tiến độ hợp đồng do lỗi của nhà thầu, gồm: thực hiện chi trả các chi phí liên quan đến công tác tư vấn giám sát, công tác quản lý dự án đối với gói thầu nhà thầu thực hiện. - Có cam kết về thời gian thực hiện công tác bảo hành, sửa chữa trong vòng 24 giờ kể từ lúc nhận được thông báo của chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng. - Cam kết mua bảo hiểm thuộc trách nhiệm của nhà thầu trong quá trình | Đạt |

| | | | |
|--|-----------------|---|------------------|
| | | thực hiện gói thầu. | |
| | | Nhà thầu không có các cam kết nêu trên hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng nội dung theo yêu cầu. | Không đạt |
| | Kết luận | E-HSDT có tất cả các tiêu chí chi tiết và tổng quát được đánh giá là Đạt | ĐẠT |
| | | E-HSDT có từ 1 tiêu chí chi tiết trở lên được đánh giá là Không Đạt | KHÔNG ĐẠT |